

ISSN. 0866-7497

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

3 (292)
(V-VI)
1997

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ
NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN SỬ HỌC

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Xuất bản 6 số 1 năm

Tổng biên tập
CAO VĂN LƯỢNG
Phó Tổng biên tập
VÕ KIM CƯƠNG

3 (292)

(V - VI)

1997

Trụ sở: 38 phố Hàng Chuối, Hà Nội

Dây nôi - N^o 8.212569

MỤC LỤC

ĐINH XUÂN LÂM	- Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) - Các đặc điểm hình thành và phát triển.	I
DƯƠNG KINH QUỐC	- Về cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.	7
PHẠM QUANG TRUNG	- Cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) với Phong trào "Châu Á thức tỉnh".	33
VĂN TẠO	- Đồng chí Trường Chinh - Một nhà lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược về công tác khoa học.	39
VĨNH SÍNH	- Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925). Giới thiệu tài liệu mới phát hiện.	44
TẠ THỊ THÚY	- Một vài kết quả nghiên cứu bước đầu về công cuộc nhượng đất khẩn hoang ở Bắc Kỳ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.	52
EMMANUEL POISSON	- Quan chức, thuộc viên, hành chính cấp tỉnh và địa phương tại Bắc Kỳ (cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX) - Những tiếp cận bước đầu. (còn nữa)	58
NGUYỄN VĂN KHÁNH	- Quan Tử - Một làng Nho học, một làng Tiến sĩ thời Lê Sơ.	63
NGUYỄN SĨ CHÂN	- Một số tư liệu mới phát hiện về hành cung Lưu Đôn của nhà Trần và trận thủy chiến cửa Đại Bàng (8-1-1288).	71
HÀ MẠNH KHOA	- Đường thủy Thanh Hóa thế kỷ X.	84
ĐỌC SÁCH		
HOÀNG PHAN TRỌNG BÁU	- "Khoa cử và Giáo dục Việt Nam".	90

THÔNG TIN

HISTORICAL STUDIES

A Bimonthly

Editor in chief
CAO VAN LUONG

Associate Editor
VO KIM CUONG

Address : 38 Hang Chuoi, Hanoi

Tel - N° 8.212569

3 (292)

(V - VI)

1997

CONTENTS

DINH XUAN LAM	- Thai Nguyen insurrection (1917) - Characteristics of its formation and development.	1
DUONG KINH QUOC	- About Thai Nguyen insurrection in 1917.	7
PHAM QUANG TRUNG	- Thai Nguyen insurrection (1917) with the movement "Awake Asia".	33
VAN TAO	- Comrade Truong Chinh - A revolutionary leader having strategic visibility on scientific research.	39
VINH SINH	- About connections between Phan Boi Chau and Nguyen Ai Quoc in China (1924 - 1925). Introduction of a newly discovered documents.	44
TA THI THUY	- Some preliminary results of the research on concession of reclaimed land in Tonkin after the First world war.	52
EMMANUEL POISSON	- The province-level and local officials, subordinates, administration in Tonkin (in the late XIX th - early XX th centuries). First approaches (To be continued).	58
NGUYEN VAN KHANH	- Quan Tu - A village of Confucianists and Doctors under the early of Le dynasty.	63
NGUYEN SI CHAN	- Some newly discovered documents about Luu Don, Royal step - over place of Tran dynasty and the naval battle in Dai Bang estuary.	71
HA MANH KHOA	- The shipping route in Thanh Hoa in the X th century.	84

BOOK REVIEW

HOANG PHAN TRONG BAU	- "Examination system and Education in Vietnam".	90
----------------------	--	----

INFORMATION

Sắp chữ điện tử tại Viện Sử học - In tại Nhà xuất bản Xây dựng

Giá : 12.000 đ

QUAN TỬ

MỘT LÀNG NHO HỌC - MỘT LÀNG TIẾN SĨ THỜI LÊ SƠ

NGUYỄN VĂN KHÁNH *
LÊ KIM BÁ YÊN **

Chỉ trong vòng 52 năm, từ 1453 đến 1505, Quan Tử một làng nhỏ thuộc vùng trung du Bắc Bộ đã thi đỗ tới 11 vị Tiến sĩ. Đây là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử khoa cử Việt Nam. Vì vậy chúng tôi trân trọng giới thiệu về sự kiện lịch sử này để bạn đọc cùng tham khảo.

I. VÀI NÉT VỀ LÀNG QUAN TỬ

Quan Tử là một trong bốn làng thuộc xã Sơn Đông (1), huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên. Từ triều Trần về trước, làng có tên Trang Sơn Đông (ấp Sơn Đông) thuộc huyện Lập Thạch, lộ Tam Đái. Đến triều Lê, lộ được đổi thành phủ và nhập vào Sơn Tây thừa tuyên, đổi nhà Nguyễn đổi thành tỉnh Sơn Tây (2).

Diện tích của làng khoảng 150.000 m², xung quanh có lũy tre bao bọc. Làng nằm vào vùng "bán sơn địa" - nơi tiếp giáp giữa miền núi và đồng bằng Bắc Bộ. Phía Đông cách khoảng 25 km là dãy núi Tam Đảo, ở phía Tây có dòng sông Lô lượn lờ uốn khúc, phía Nam là dòng sông Phú Đáy từ tỉnh Thái Nguyên xuống rồi hội nhập với sông Lô ở ngã ba Phú Hậu (3) và cùng với hai sông lớn Đà, Thao tạo ra ngã ba Bạch Hạc trời nước mênh mông. Về phía Bắc làng là

huyện Lập Thạch với nhiều đồi rừng cao thấp khác nhau, trong đó nổi bật lên là dãy núi Sáng ngăn cách hai huyện Lập Thạch (Vĩnh Yên) và huyện Sơn Dương của tỉnh Tuyên Quang.

Nằm ở vị trí ba mặt là sông, lại ở điểm đầu của huyện tiếp giáp với vùng đồng bằng Bắc Bộ, làng Quan Tử từ rất sớm đã trở thành trung tâm giao lưu kinh tế và văn hóa trong vùng.

Làng Quan Tử được hình thành từ bao giờ, dân cư có nguồn gốc từ đâu, chúng tôi chưa thể xác định một cách thật chính xác. Nhưng với những đặc điểm về địa lý, sinh thái, có thể khẳng định đây là nơi sinh sống của người Việt cổ.

Khác với các làng ven sông ở đồng bằng Bắc Bộ, làng Quan Tử hàng năm được dòng sông Lô bồi đắp lên thêm một lớp phù sa mới (lớp phù sa dày từ 50 - 100 cm) nhưng tầng dưới lớp phù sa này là lớp đá trai non và sâu hơn nữa là tầng lớp đá cuội tròn. Đặc điểm trên của làng Quan Tử mang đậm sắc thái của một làng trung du miền Bắc nước ta. Nhưng về cảnh quan, lại giống một làng đồng bằng hơn là làng trung du. Trên các ngã đường dẫn vào làng đều có các cổng lớn được xây bằng gạch, hai bên cổng có

* PGS-PTS Khoa lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

** Khoa lịch sử Đại học khoa học xã hội và Nhân văn.

khắc những câu đối bằng chữ Hán; ở phía trên cổng chính có hàng chữ ghi rõ tên làng. Hiện nay trên cổng chính vẫn còn giữ được hai câu đối :

Danh Quan Tử áp thuận phong tại,

Diện Tướng công từ thủy khí doanh (4).

Dịch nghĩa :

Rực rỡ thay, áp Quan Tử phong tục thuận hậu

Trước đền Tả tướng (5) khí lành đầy đặn.

Trong làng hiện còn có các di tích quan trọng đánh dấu sự trưởng thành và phát triển của Quan Tử trong suốt quá trình lịch sử.

Ở gần giữa làng có khu đền thờ Đỗ Khắc Chung - Thành Hoàng làng, người có công xây dựng nền Nho học của làng Quan Tử. Theo các sắc phong (6) thì ngôi đền này được xây từ trước đời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVI).

Nằm ở phía Bắc của làng là đền thờ Tả Tướng Quốc Trần Nguyên Hãn, được xây dựng vào khoảng thời nhà Lê.

Tại khu vực phía Đông Bắc có ngôi chùa Vĩnh Phúc (chùa Am); chùa có chiếc chuông được đúc năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1797), đời vua Quang Toản.

Trong làng còn có các đền thờ của dòng họ Lê thờ các vị Tiến sĩ và các cụ tổ của dòng họ (7).

Với vị trí ngã ba sông, lại là trung tâm lý sở của huyện Lập Thạch trước kia, làng Quan Tử có điều kiện phát triển kinh tế buôn bán hơn là trồng trọt. Đây là nơi trung chuyển hàng hoá với ngã ba Bạch Hạc. Từ Bạch Hạc, hàng hoá theo dòng sông Lô hoặc sông Đáy được mang về xuôi, rồi lại từ miền xuôi chuyển lên bán cho người miền ngược.

Do nhu cầu trao đổi hàng hoá, chợ làng Quan Tử đã hình thành từ sớm gọi là chợ Quan Tử hay chợ Gốm (8). Những dấu tích còn lại hiện nay cũng cho ta khẳng định điều này. Ở các vùng đất rìa làng nằm bên bờ sông được kè bằng đá lớn xếp theo từng bậc tạo nên các bến phục vụ cho việc vận chuyển hàng hoá từ dưới sông lên bờ. Dân làng gọi vùng này là khu chợ (Phú Thị).

Chợ ra đời thúc đẩy sự buôn bán càng trở nên phát đạt, hàng hoá được lưu thông nhanh chóng. Từ chỗ chỉ là nơi trung chuyển, làng Quan Tử đã trở thành trung tâm kinh tế lớn, đứng cạnh Bạch Hạc mà xa xưa đã có câu "Nhất Kinh kỳ nhì Gốm Hạc".

Bên cạnh thương nghiệp, kinh tế nông nghiệp của làng cũng phát triển. Với diện tích đất canh tác là 47 ha, hàng năm được dòng sông Lô, Đáy bồi đắp thêm một lớp phù sa mới, nên đất đai ở đây rất màu mỡ, thuận lợi cho sự phát triển các cây trồng, đặc biệt là cây lúa nước. Nhưng làng thường bị ngập lụt vào mùa hè (tháng 5 đến tháng 8 Âm lịch) Vì vậy người dân thường chỉ cấy được một vụ chiêm và trồng các loại hoa màu ngắn ngày trên các dải đất cao, hay ven bãi. Trong vườn trồng các cây ăn quả lâu năm chịu được nước, hoặc cây một vụ, để tránh lũ lụt. Điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế đó đã làm cho nền kinh tế của làng luôn có xu hướng mở cửa ra bên ngoài. Ngay ở trong làng cũng có sự phân bố hoạt động khác nhau giữa các xóm phù hợp với đặc điểm như xóm Thượng chủ yếu phát triển kinh tế trồng trọt, xóm Đông và xóm Giữa thiên về buôn bán vì gần chợ. Tuy vậy, hầu như ở xóm nào cũng có những người vừa làm nông nghiệp, vừa tham gia buôn bán.

Có thể nói, nền nông nghiệp của làng cũng phát triển khá mạnh, nhưng mạnh hơn cả lại là các hoạt động buôn bán. Nhờ vậy, Quan Tử thuộc vào dạng làng giàu có nhất trong vùng.

Dân số hiện nay của làng khoảng hơn 900 người, chia thành 177 hộ, cư trú tập trung ở những xóm hình thành sớm như các xóm : Thượng, Đông, Đông, Giữa, Phú Thị. Trong làng hiện nay có sáu dòng họ chính, đó là Lê, Nguyễn, Trần, Đặng, Vũ và họ Hoàng (9). Họ Lê ở xóm Thượng, Giữa; họ Nguyễn ở xóm Đông; họ Trần ở xóm Thượng; họ Hoàng ở xóm Đông; họ Vũ ở Phú Thị.

Sự phân chia này cũng chỉ có ý nghĩa tương đối vì qua thời gian với việc kết hôn giữa các dòng họ đã dẫn tới những xáo trộn nhất định trong tình hình phân bố khu vực cư trú của các dòng họ.

Ở trong làng mọi công việc diễn ra đều được tiến hành tại đình làng. Khi có việc, các dòng họ đều cử người đại diện đến dự bàn công việc của làng. Trong mỗi dòng họ lại có nhà thờ của dòng họ mình, mọi công việc của dòng họ đều được giải quyết tại đây. Các dòng họ đều tìm cách vươn lên để giành quyền chi phối việc làng. Ngay mỗi đợt bầu thủ từ giữ đền, các dòng họ cũng ra sức giành phần thắng về mình. Tuy nhiên chỉ có hai dòng họ Lê và Nguyễn là chiếm được quyền lực chủ yếu. Ngoài 6 dòng họ được coi là lâu đời, làng còn có một số họ bé mới nhập cư. Nhờ quan hệ buôn bán, và điều kiện giao thông thuận lợi, dân làng Quan Tử sớm chịu ảnh hưởng về văn hoá, phong tục ở nơi khác, tầm hiểu biết về xã hội được nâng lên. Tuy vậy, dân làng vẫn giữ được, tính thuần hậu, chất phác của người nông dân trồng lúa nước.

Cũng thông qua giao lưu, người dân ở đây, đã biết được chỉ có thông qua học tập, họ mới thoát khỏi sự thấp hèn, mới tạo ra được chỗ đứng trong xã hội, cũng như mới có thể đem lại niềm vinh quang cho bản thân và dòng họ mình.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NỀN NHO HỌC Ở QUAN TỬ

Quá trình hình thành

Khi nói đến nền Nho học làng Quan Tử, không thể không nói đến vai trò quan trọng của người thầy giáo đầu tiên, người có công khai trí cho dân làng, người đặt viên gạch đầu tiên xây dựng nền Nho học làng Quan Tử, đó là Đỗ Khắc Chung.

Đỗ Khắc Chung (? - 1330) quê huyện Giáp Sơn, phủ Kinh Môn (tỉnh Hải Dương). Theo thần tích thì cha là Đỗ Nhân, mẹ là Vũ Hương. Từ bé ông đã nổi tiếng là thần đồng. Đến năm 18 tuổi, cha mẹ đều mất, ông lấy sách vở dạy bảo học trò. Ông thấy ở Trang Sơn Đông (huyện Lập Thạch, lộ Tam Đái) nhân dân chất phác, nhưng phong cảnh hữu tình, nên liền cùng dân làng mở trường dạy chữ. Được một năm, dân ấy có phong tục tốt lại học hỏi tinh thông trở thành nơi có lễ nghĩa; ai cũng mến phục ông (10).

Vẫn theo thần tích thời gian dạy học của ông ở đây chỉ kéo dài từ 5 đến 7 năm. Đến khi vua Trần Anh Tông mở khoa thi, ông đã từ biệt dân làng xuống Kinh đô ứng thí và thi đỗ. Từ đó ông làm quan trong triều cho đến cuối đời.

Một nguyên nhân nữa đã đóng góp không nhỏ trong việc hình thành và phát triển nền Nho học làng Quan Tử. Đó là sự gia nhập vào thành phần dân cư trong làng, những sĩ phu từ nơi khác đến, đặc biệt là Trần Nguyên Hãn và con cháu Đặng Dung.

Trần Nguyên Hãn (1390-1429) sinh ra và lớn lên tại Trang Sơn Đông. Ông là cháu bảy đời của Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải, cháu ba đời quan Đại tư đồ Trần Nguyên Đán. Do binh biến cuối triều Trần nên cha mẹ của ông đã lên định cư tại đây. Trần Nguyên Hãn tuy không được lớn lên ở trung tâm Nho học (kinh thành Thăng Long), nhưng được tiếp thu những tri thức Nho học từ người cha. Rất có thể cha của Trần Nguyên Hãn là người tiếp theo Đỗ Khắc Chung đã mở trường dạy học tại đây (?), nếu không thì cũng dạy cho chính con mình, vì khi Trần Nguyên Hãn tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, đã là người có tài văn võ, được Lê Quý Đôn đời sau gọi là người "Hữu học thức". Điều này cho phép khẳng định là vào thời gian này, nền Nho học ở làng đang trên đường phát triển.

Tiếp sau gia đình Trần Nguyên Hãn là con cháu của Đặng Dung. Sau khi tham gia khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Minh thất bại, con cháu Đặng Dung phải chạy lên các vùng xa Kinh sư để lánh nạn. Làng Quan Tử là nơi dừng chân và trở thành quê hương thứ hai của dòng họ Đặng.

Những gia đình thuộc dòng dõi tôn thất, tướng lĩnh của nhà Trần lên định cư tại đây, đã có những tác động không nhỏ trong việc tạo dựng và phát triển nền Nho học của làng. Những người này đều là những người có học vấn, tầm hiểu biết sâu rộng, gia đình có nền nếp, phong lưu. Nhiều người trong số đó đã trở thành những ông đồ dạy chữ và truyền bá Nho học. Điều đó đã kích thích tinh thần vươn lên trong học tập của dân làng. Nhờ vậy, đến năm 1453, làng đã có vị Tiến sĩ đầu tiên.

Quan Tử - Làng Tiến sĩ

Từ khi Đỗ Khắc Chung lên đây mở trường dạy học, làng đã có trường học để truyền bá : Kinh thư, Lễ nghĩa, đem đến cho dân làng tầm hiểu biết mới về các miền của Tổ quốc cũng như đạo nghĩa của con người. Nhưng các trường học này chỉ tồn tại được một thời gian, vì thầy giáo không còn nữa. Không còn thầy dạy, họ tự học lấy vì các sách của thầy đều được để lại cho dân làng. Đồng thời, họ tiếp tục mở thêm trường nhận thêm những người mới vào học. Gần 200 năm trôi qua kể từ khi mở trường đến lúc làng có người đỗ Tiến sĩ đầu tiên. Đó cũng là thời kỳ tích lũy kiến thức của những học trò Nho học trường làng Quan Tử.

Bắt đầu từ năm 1453, niên hiệu Thái Hoà thứ 11, đời vua Lê Nhân Tông, nền Nho học làng Quan Tử có bước nhảy vọt. Trong số các Tiến sĩ khoa này, làng Quan Tử góp được một người đó là Nguyễn Tử.

Nếu như Đỗ Khắc Chung là người mở đầu trong công việc truyền bá Nho học, người đặt viên gạch đầu tiên cho nền Nho học ở làng Quan Tử, thì vị Tiến sĩ đầu tiên của làng đóng vai trò người khai phóng con đường thi cử của tầng lớp Nho sinh trong làng. Tiếp sau vị Tiến sĩ đầu tiên, nhiều Tiến sĩ khác của làng lần lượt xuất hiện. Có những kỳ thi, làng có tới hai người đỗ Tiến sĩ. Trong làng có gia đình có tới ba anh em, chú cháu cùng làm quan đồng triều.

Bấy giờ cả làng đua nhau đi thi. Trong sáu dòng họ ở làng thì cả sáu dòng họ đều có người đỗ Tiến sĩ.

Qua 88 năm, nghĩa là chưa đầy một thế kỷ (1453-1541) làng Quan Tử đã có tới 12 Tiến sĩ. Với một diện tích không lớn, dân số không đông mà có tới 12 Tiến sĩ, thì làng Quan Tử quả đã có một nền Nho học phát triển đến mức đáng kinh ngạc. Thêm nữa, trong khi đó cả huyện Lập Thạch có 23 Tiến sĩ, thì con số 12 Tiến sĩ ở một làng là niềm mơ ước của nhiều địa phương.

Tên các Tiến sĩ hiện còn được các bộ sách sử nhắc đến, các văn bia ở đền thờ Thành Hoàng làng (11) và ngay cả trong các văn bia tại Văn

Miếu vẫn còn giữ được tên của các Tiến sĩ của làng Quan Tử (12).

Sau đây là danh sách và hành trạng các tiến sĩ của làng :

1. Nguyễn Tử (1429 - ?): Đỗ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp), khoa Quý Dậu, niên hiệu Thái Hoà 11 (1453) đời vua Lê Nhân Tông. Đỗ năm 24 tuổi, làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử (13).

Đây là Tiến sĩ đầu tiên của làng, người mở đầu cho con đường thi cử của làng.

2. Lê Thúc Chấn (1435 - ?): Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) đời vua Lê Thánh Tông. Khi đỗ 31 tuổi, làm quan đến chức Đô ngự sử (14). Ông là người mở mang danh vọng cho dòng họ Lê ở làng, là chú của Lê Đức Toàn (Ghi phần sau) và Lê Thiết.

Tên ông hiện còn được khắc trên bia đá tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) (bia lập ngày 15 tháng 8 niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484) đời Lê Thánh Tông.

3. Nguyễn Tộ (1440 - ?): Đỗ đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), khoa Canh Thìn 1472 niên hiệu Hồng Đức thứ 3, đời vua Lê Thánh Tông, Khi đỗ 32 tuổi, làm quan đến chức Hiến sát sứ (15).

Ông là người mở mang cho dòng họ Nguyễn ở làng Quan Tử (vốn có tới 2 họ Nguyễn khác nhau), là anh của Nguyễn Trinh và Nguyễn Tư Phúc. Đây là gia đình duy nhất của làng có ba anh em đều là Tiến sĩ, cùng làm quan đồng triều.

4. Nguyễn Trinh (1447 - ?): Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Ất Mùi (1475), niên hiệu Hồng Đức thứ 6, đời vua Lê Thánh Tông. Khi đỗ 28 tuổi.

Ông là người có sức khoẻ, đã làm quan trong triều đình (Đỗ lục sĩ) trước khi đi thi. Sau khi đỗ, ông làm quan đến chức Thượng thư (16).

Ông là người duy nhất ở làng khi đi thi không phải là Nho sinh mà đã làm quan trong triều đình. Tên ông hiện vẫn còn giữ được trên bia Văn Miếu (lập ngày 15-8 niên hiệu Hồng

Đức thứ 45 (1484) đời vua Lê Thánh Tông) cùng với em là Nguyễn Tư Phúc.

5. Nguyễn Tư Phúc : Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475), đời vua Lê Thánh Tông, làm quan đến chức Tham chính (17).

Ông là em út của gia đình họ Nguyễn có ba Tiến sĩ, thi đỗ cùng khoa với anh trai mình. Đây là khoa thi duy nhất làng có hai anh em cùng đỗ Tiến sĩ, cùng vinh quy về làng.

Tên ông hiện còn được khắc trên bia Văn Miếu cùng với anh trai là Nguyễn Trinh.

6. Trần Doãn Hựu : Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Mậu Tuất niên hiệu Hồng Đức thứ 9 (1478), đời Lê Thánh Tông, làm quan đến chức Thượng thư (18). Ông là người duy nhất của dòng họ Trần ở làng đỗ tiến sĩ (nhưng không phải là con cháu của Trần Nguyên Hân). Hiện nay con cháu ông không quên hương khói, tưởng nhớ đến người có công làm cho dòng họ Trần được sánh ngang cùng các dòng họ khác trong làng.

7. Lê Đức Toàn : Đỗ đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484), đời vua Lê Thánh Tông. Sau khi thi đỗ, làm quan đến chức Đô Ngự sử. Khi nhà Mạc đoạt ngôi vua Lê, ông không chịu theo nhà Mạc, được người đời khen là tiết nghĩa (19).

Về Lê Đức Toàn, các sách đều nói ông được người đời khen là tiết nghĩa. Về vấn đề này các sách "Đại Nam nhất thống chí" và "Lịch triều hiến chương loại chí" viết có chỗ giống nhau có chỗ khác nhau.

Bởi vì sách "Đại Nam nhất thống chí" lại viết về hai người có tên là Lê Đức Toàn, đều ở xã Sơn Đông huyện Lập Thạch. Một người được viết giống như "Lịch triều hiến chương loại chí", còn một người được viết như sau :

Lê Đức Toàn người xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, đỗ chánh tiến sĩ, đời Hồng Đức thứ 15, làm quan đến chức Đô ngự sử. Ông thấy vua Uy Mục Đế làm vua vô đạo, ba lần dâng sớ cố can, bị bắt giam ở cửa Cảnh môn, hơn ba tháng không cho ăn uống, được người coi ngục lén lút

cho ăn nên không chết. Khi Tương Dực Đế đem quân vào uy hiếp Kinh thành, bí mật cho người đến dụ ý muốn dùng, theo như việc cũ của Ngụy Trưng (bày tội của nhà Minh trước làm tội Thái tử Kiến Thành nhà Đường. Sau khi Đường Thế Dân giết Kiến Thành, Ngụy Trưng lại làm tội Thế Dân giúp được nhiều việc, người bấy giờ khen Ngụy Trưng là bậc hiền nhân), nhưng ông không theo. Khi được tin Uy Mục Đế chạy ra ngoài Kinh thành, ông bèn thắt cổ chết. Bài thơ Vịnh sử của Đặng Minh Khiêm nói :

"Gián phong triều tướng cứu trùng thiên,

Tịch kế thành môn tuyệt khả liên.

Nghĩa trọng sinh khinh thần tử tiết,

Thời nhân mạc đạo Ngụy Trưng hiền".

Nghĩa :

Buổi sáng dâng thư can vua, thì buổi chiều bị giam ở cửa thành, thật đáng thương xót.

Tiết tháo của tôi con, nghĩa trọng mà sống nhẹ, thế thì người đời đừng nói Ngụy Trưng mới là hiền thần (20).

Như vậy là sử sách có nói đến hai Lê Đức Toàn. Nhưng ở làng Quan Tử với các tài liệu còn giữ được thì chỉ có một Lê Đức Toàn. Vậy trong hai Lê Đức Toàn trên ai là người có thật. Theo dân làng hiện nay kể lại thì Lê Đức Toàn chính là người không theo Tương Dực Đế, tự thắt cổ chết khi hay tin vua Uy Mục Đế chạy ra ngoài kinh thành.

Ông là người được đời sau kính trọng, các đời vua sau đó đều có sắc phong và khen ông là người "Quang ý Dực Bảo Trung Hưng Trung đẳng Thần" (21) và cho phép con cháu được xây đền thờ, và thu thuế đồ dọc từ Tuyên Quang đến ngã ba sông Bạch Hạc để lấy tiền thờ cúng ông. Hiện nay đền thờ ông vẫn còn được sử dụng làm nhà thờ của dòng họ Lê. Trên bức hoành phi có bốn chữ "Chí Đại Chí Cương" nói lên tính cách và phẩm chất của ông. Trong đền còn có hai hàng câu đối do Hà Nhậm Đại tặng khi qua đây :

"Tiến sĩ cao danh khảng khái đồ tài thiên cổ trọng .

Sơn Đông chi miếu, khoanh oanh Hà Đại nhất chi ngâm".

Hàng năm dòng họ không ngừng hương khói tưởng nhớ đến ông. Mỗi năm hai lần cúng tế vào ngày 16 tháng 2 và tháng 8 hàng năm.

8. Đặng Thận (1459 - ?). Đỗ đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), khoa Giáp Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484) đời Lê Thánh Tông, Khi đỗ ông mới 25 tuổi.

Ông là hậu duệ của Đặng Dung (Can Lộc, Hà Tĩnh) đời Trần (22). Sau những vụ biến loạn của đất nước, con cháu Đặng Dung đến sinh sống ở huyện Lập Thạch và huyện Sơn Vi.

9. Đặng Điểm : Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490) đời Lê Thánh Tông. Thi đỗ năm 32 tuổi, làm quan đến chức Hiến sát sứ (23).

Ông là anh trai của Đặng Thân, là hậu duệ của Đặng Dung. Đây cũng là hai người duy nhất trong làng đỗ tiến sĩ không phải là dân gốc của làng.

10. Lê Khiết (1464 - ?). Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490) đời Lê Thánh Tông, Thi đỗ năm 26 tuổi, làm quan đến Tri huyện (24).

Ông là người cuối cùng của dòng họ Lê thi đỗ tiến sĩ. Theo gia phả của dòng họ thì ông là cháu Lê Đức Toàn và Lê Thúc Chấn, hiện nay cả ba ông đều được thờ trong nhà thờ họ, được họ Lê tôn làm ông tổ của dòng họ mình.

11. Nguyễn Phú Hựu : Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Ất Mùi, niên hiệu Đoan Khánh thứ nhất (1505), đời vua Lê Uy Mục. Ông thi đỗ năm 28 tuổi, làm quan đến chức Thượng thư (25).

Sau đó, bằng đi một thời gian khá dài, mãi tới năm 1541, Làng Quan Từ lại mới có người thi đỗ Tiến sĩ. Đó là Vũ Doãn Tư (1478 - ?) : Đỗ đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân Khoa Tân Sửu, niên hiệu Quảng Hoà thứ nhất (1541), đời Mạc Phúc Hải. Thi đỗ năm 23 tuổi, làm quan đến chức Lại bộ tả thị lang, tước Sơn Đông Bá (26).

Ông là người duy nhất trong số các Tiến sĩ của làng thi đỗ trong các khoa thi do nhà Mạc tổ

chức, và cũng là vị tiến sĩ cuối cùng của làng Quan Từ.

Hiện nay đền thờ của ông vẫn còn, con cháu của dòng họ Vũ hàng năm không ngừng hương khói, tưởng nhớ công ơn của ông đã làm cho con cháu đời sau được sánh ngang cùng các dòng họ trong làng. Hàng năm ngày cúng giỗ của ông được tổ chức vào ngày 21 tháng Giêng Âm lịch. Trong đền thờ ông có một tấm bia đá do dòng họ lập ra, để đời sau biết về cuộc đời làm quan của ông.

Như vậy trong 88 năm với 26 khoa thi do nhà Lê và Mạc tổ chức, làng Quan Từ đã đóng góp vào nền khoa cử Việt Nam 12 tiến sĩ. Trong số đó có những người làm quan tới chức Thượng thư, người thì được đời khen là Tiết nghĩa. Đây chính là kết tinh của hơn 200 năm dùi mài kinh sử của các Nho sinh.

Ngày nay dân làng không bao giờ quên công ơn của các Tiến sĩ, những người đã đóng góp rất lớn vào sự phát triển về kinh tế văn hoá của làng Quan Từ ngày xưa cũng như ngày nay.

Như vậy điểm nổi bật của nền Nho học Quan Từ là các Tiến sĩ đã xuất hiện chủ yếu vào đời vua Lê Thánh Tông, thời kỳ được coi là đỉnh cao của sự phát triển Nho học. Với những người đỗ đạt ấy, làng Quan Từ đã có đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của nền Nho học Đại Việt.

Trong thời gian này, cùng với việc thành đạt trên con đường thi cử của các Nho sinh là sự phát triển mạnh mẽ của các trường học trong làng. ở làng lúc này không chỉ có trường học cũ do Đỗ Khắc Chung xây dựng từ thế kỷ trước, mà còn có các lớp học của các thầy đồ mở ngay tại nhà mình. Có thể nói, dòng họ nào cũng có lớp học riêng, thường là trong các gia đình trưởng họ, cũng có thể là trong các gia đình khá giả. Các đền thờ của dòng họ Lê và Vũ đều được xây dựng ở những nơi các Tiến sĩ đã học trước khi đi thi.

Do sự phát đạt của nền Nho học tên làng từ Trang (áp) Sơn Đông được đổi thành làng "Quan Từ" với ý nghĩa là làng "con quan" hay "làng quan".

III. VAI TRÒ CỦA NHO HỌC ĐỐI VỚI LÀNG QUAN TỬ

Nho học đã có tác động tới toàn bộ đời sống kinh tế và tinh thần của làng Quan Từ. Nền Nho học xuất hiện trong làng đã tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển.

Nhờ có các Tiến sĩ mà làng đã được nhận nhiều bổng lộc do triều đình và nhà vua ban tặng nên càng có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc buôn bán, làm ăn. Cùng với sự phát triển, mở mang hoạt động buôn bán, nền nông nghiệp của làng cũng thay đổi rõ rệt. Với số ruộng đất vua phong cho từng gia đình Tiến sĩ, làng đã có một khu vực canh tác rộng lớn vượt xa diện tích trước kia.

Sự phát triển kinh tế đã làm cho cơ cấu dân cư thay đổi. Trong làng dân ít, ruộng nhiều, buôn bán phát triển đòi hỏi phải có nhiều sức lao động. Từ đó đã tạo nên một lực lượng làm công đồng đảo. Lực lượng này có nguồn gốc từ các làng xung quanh, họ làm mọi công việc từ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, hay theo các gia đình đi buôn bán nơi xa. Những người làm thuê này thường không sống định cư ở làng. Ban ngày họ đi làm thuê, đến tối lại trở về nhà với vợ con. Làng Quan Từ cũng rất ít khi cho dân cư nơi khác đến nhập cư ở làng. Hiện nay ở làng chỉ có các dòng họ từ xưa, còn rất ít các dòng họ mới đến.

Bên cạnh những thay đổi về kinh tế, đời sống tinh thần của dân làng cũng thay đổi nhanh chóng. Lúc đầu, làng không có đền miếu, chùa; về sau trong làng có đầy đủ công trình văn hoá tín ngưỡng như các đền, chùa cũng như đình làng. Tất cả những công trình kiến trúc này đều nhằm phục vụ cho các sinh hoạt tinh thần của cộng đồng làng Quan Từ.

Để tưởng nhớ công ơn của người thầy đầu tiên, người có công tạo dựng cuộc sống vinh hoa phú quý của làng, dân làng đã lập đền thờ Đỗ Khắc Chung ngay trên nền đất của ngôi trường xưa do ông cùng dân làng xây dựng. Ngôi đền thờ Đỗ Khắc Chung được xây dựng khá đồ sộ, bên trong là hậu cung thờ ngài ông, tiếp đến là hai nhà nối nhau để dân làng làm lễ và thờ cúng. Phía ngoài là sân và tiếp đó là nhà Tam quan.

Cách bố trí trong đền này gần giống với cách bố trí trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội). Bên tả đền có một tấm bia đá ghi tên 12 Tiến sĩ trong làng được gọi là bia "Tiền Hiền liệt vị". Trên chính giữa của đền có bức hoành phi lớn khổ 1 x 2 m khắc bốn chữ "Vạn đại chiêm ngưỡng", để khẳng định công lao của ông đối với dân làng, cũng như nhắc nhở con cháu đời sau luôn nhớ đến và noi theo người thầy giáo đầu tiên này.

Thời gian xây dựng ngôi đền này theo những dấu tích cũng như tài liệu còn lại có thể xác định là từ thời Lê. Tờ sắc phong sớm nhất là dưới triều Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 2 (1741). Trong đền hiện còn giữ được chín sắc phong của các vua phong cho Đỗ Khắc Chung là vị Thần ở làng và cho phép dân làng thờ cúng vị Thần này.

Sự chi phối của tư tưởng Nho giáo đối với đời sống dân làng không chỉ thể hiện trong việc tôn người thầy giáo đầu tiên làm Thành Hoàng, mà còn được thể hiện trong tục thờ cúng của các dòng họ trong làng. Mỗi dòng họ đều thờ Tiến sĩ của dòng họ mình, coi đó là ông tổ của dòng họ. Hàng năm mỗi dòng họ tổ chức từ một đến hai, ngày giỗ Tổ (27). Tất cả con cháu của dòng họ (nam) đều tập trung tại nhà thờ để tế lễ tưởng nhớ công ơn người khai sáng dòng họ.

Việc tôn phong người thầy giáo đầu tiên của làng thành người bảo hộ cho làng, cũng như việc các dòng họ tôn thờ các vị Tiến sĩ làm ông tổ của dòng họ mình đã thể hiện rõ tư tưởng tôn Nho, đồng thời chứng tỏ tư tưởng Nho giáo đã thấm sâu vào các tầng lớp dân làng.

Là một làng nằm ở vùng bán sơn địa giáp núi, liền sông, làng Quan Từ có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế, nhất là kinh tế buôn bán. Nhưng điều đáng nói là ở chỗ Quan Từ là một làng có truyền thống Nho học, một làng Tiến sĩ nổi danh,

Cùng với việc xây dựng trường học đầu tiên, nền Nho học của làng cũng bước đầu hình thành và phát triển với bao bước thăng trầm của lịch sử, nó vừa mang những nét riêng biệt,

lại vừa in đậm những dấu ấn của nền Nho học đất nước.

Trong thời kỳ phát triển thịnh đạt nhất của mình, nền Nho học của làng đã sản sinh ra một hàng ngũ đại đại khoa gồm 12 tiến sĩ trong vòng 88 năm. Đây là một hiện tượng hiếm thấy trong lịch sử nền Nho học không chỉ ở vùng trung du, mà còn ở cả xứ Bắc Bộ, và trên phạm vi cả nước Việt Nam. Hiện tượng đó cần được tiếp tục nghiên cứu để góp phần làm sáng tỏ đặc điểm hình thành, phát triển của nền Nho học, cũng như của toàn bộ nền giáo dục nước nhà dưới thời Trung - Cận đại.

CHÚ THÍCH

- 1) Xã Sơn Đông hiện có bốn làng : Quan Từ, Phú Bình, Đông Mật và Phú Đa.
- 2) "Đại Nam nhất thống chí", Nxb KHXH: năm 1971, tập IV, tr. 173.
- 3) "Đại Nam nhất thống chí", Sđd, tr.209- 210.
- 4) Theo bút tích là của cử nhân Hoàng Mậu Lâm ghi trong đợt tu sửa năm 1939.
- 5) Tục đền thờ Tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn.
- 6) Gồm có 9 đạo sắc phong cho vị Trần triều hành khiển Đỗ Khắc Chung tôn thần là :
 - Đạo năm Cảnh Hưng thứ (1741).
 - Đạo năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767).
 - Đạo năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783).
 - Đạo năm Chiêu Thống thứ nhất (1787).
 - Đạo năm Quang Trung thứ 4 (1791).
 - Đạo năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796).
 - Đạo năm Tự Đức thứ 10 (1857).
 - Đạo năm Khải Định thứ 9 (1924).
 Có một đạo hợp phong với Tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn năm Tự Đức thứ 33 (1872).
- 7) Dòng họ Lê thờ : Lê Đức Toàn, Lê Thúc Chấn, Lê Khiết được dựng từ triều Lê.
Nhà thờ họ Vũ thờ : Vũ Doãn Tư dựng từ thời nhà Nguyễn.
- 8) Gốm ở đây không phải là chợ bán gốm, mà Gốm là tên tục của làng có từ trước khi có tên Trang Sơn Đông hay làng Quan Từ.
- 9) Trong họ Nguyễn lại chia ra thành hai chi khác nhau. Ngoài ra làng còn có các họ khác nhỏ hơn từ nơi khác đến sau này, như họ Trịnh, Đào.
- 10) Theo bản thân tích đền Đỗ Khắc Chung do Đồng các đại học sĩ Lê Tung soạn năm 1509 (Hồng Thuận nguyên niên).
- 11) Tục bia đặt trong đền thờ Đỗ Khắc Chung, lập đời vua Tự Đức, gọi là bia "Tiên Hiền liệt vị".
- 12) Hiện còn các tấm bia lập năm Giáp Thìn (1484) niên hiệu Hồng Đức thứ 15 ; bia lập khoa thi Bính Tuất, niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) đời Lê Thánh Tông ; bia đề tên khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 9 (1478) đời vua Lê Thánh Tông.
- 13) Sách "Các nhà khoa bảng Việt Nam" (1075-1919) do Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện nghiên cứu Hán Nôm tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1993, tr. 98.
- 14) Như trên, tr. 123.
- 15) Như trên, tr. 134.
- 16) Như trên, tr. 147.
- 17) Như trên, tr 162.
- 18) Như trên, tr. 166.
- 19) Phan Huy Chú "Lịch triều hiến chương loại chí". Nxb Sử học Hà Nội 1961. Tập I, tr 323; "Đại Nam nhất thống chí", sđd tr. 233.
- 20) "Đại Nam nhất thống chí", sđd, tr. 237-238.
- 21) Sắc phong năm Khải Định thứ 9 (1924) cho Lê Đức Toàn.
- 22) "Các nhà khoa bảng Việt Nam", sđd, tr. 191.
- 23) Như trên, tr. 222.
- 24) Như trên, tr. 222.
- 25) Như trên, tr. 289.
- 26) Như trên, tr. 398.
- 27) Họ Lê tổ chức 2 lần trong năm đó là ngày 16 tháng 2 và tháng 8, họ Vũ tổ chức ngày 21 tháng Giêng, họ Trần tổ chức vào ngày 6 tháng 2, đều theo Âm lịch.